**BẢNG 1: MA TRẬN + ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ GIỮA HK II MÔN TOÁN-LỚP 6**

**(BẢNG NÀY LẬP VÀ LƯU TRONG MÁY ĐỂ DÙNG TẠO RA BẢNG 2 KHI CẦN RA ĐỀ)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT****(1)** | **Chương/****Chủ đề****(2)** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức****(3)** | **Mức độ đánh giá****(4)** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | **Tổng % điểm****(13)** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Chủ đề 1: Phân số** | Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số. Các phép tính với phân số | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm.– Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số.– Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số.– Nhận biết được số đối của một phân số.– Nhận biết được hỗn số dương. | **1****(0,5đ)** |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Thông hiểu:***– So sánh được hai phân số cho trước. |  |  | **1****(0,5đ)** |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Vận dụng:***– Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số.– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...). |  |  |  |  |  | **1****(1,5đ)** |  |  | **15%** |
| **Vận dụng cao**– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số. |  |  |  |  |  |  |  | **1****(1,0)** | **10%** |
| 2 | **Chủ đề 2: Phân tích và xử lí dữ liệu** | Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được mối liên quan giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học trong Chương trình lớp 6 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 6, Khoa học tự nhiên lớp 6,...) và trong thực tiễn (ví dụ: khí hậu, giá cả thị trường,...). | **1****(0,5đ)** |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Thông hiểu:*** – Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*).  |  |  |  | **1****(1,0đ)** |  |  |  |  | **10%** |
| ***Vận dụng:***– Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). |  |  |  |  |  | **1****(1,0đ)** |  |  | **10%** |
| 3 | **Chủ đề 3: Một số yếu tố xác suất**  | Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản | ***Nhận biết:*** –Làm quen với mô hình xác suấttrong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản (ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu, ...).  | **1****(0,5đ)** |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
|  |  |  | ***Thông hiểu:*** – Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  |  | **1****(0,5đ)** |  |  |  |  |  | **5%** |
|  |  | Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản | ***Vận dụng:*** – Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản.  |  |  |  |  |  | **1****(0,5đ)** |  |  | **5%** |
| 4 | **Chủ đề 4: Các hình hình học cơ bản** | Điểm, đường thẳng, tia | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.– Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song.– Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.– Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm.– Nhận biết được khái niệm tia. | **1****(0,5đ)** |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
|  |  | Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng | ***Nhận biết:*** –Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. |  | **1****(2,0đ)** |  |  |  |  |  |  | **20%** |
| **Tổng** |  | **4** | **1** | **2** | **1** | **0** | **3** | **0** | **1** | **12** |
| **Tỉ lệ %** |  | **40%** | **20%** | **30%** | **10%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **60%** | **40%** | **100%** |

**BẢNG 2: MA TRẬN + ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ GIỮA HK II MÔN TOÁN-LỚP 6**

**(BẢNG NÀY LẬP VÀ LƯU TRONG MÁY ĐỂ DÙNG TẠO RA BẢNG 2 KHI CẦN RA ĐỀ)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT****(1)** | **Chương/****Chủ đề****(2)** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức****(3)** | **Mức độ đánh giá****(4)** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | **Tổng % điểm****(13)** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Chủ đề 1: Phân số** | Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số. Các phép tính với phân số | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số.Câu 1 | **1****(0,5đ)** |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Thông hiểu:***– So sánh được hai phân số cho trướcCâu 2. |  |  | **1****(0,5đ)** |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Vận dụng:***– Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số.Câu7a– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). Câu 7b,c |  |  |  |  |  | **3****(1,5đ)** |  |  | **15%** |
| **Vận dụng cao**– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số.Câu 10 a,b |  |  |  |  |  |  |  | **2****(1,0)** | **10%** |
| 2 | **Chủ đề 2: Phân tích và xử lí dữ liệu** | Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được mối liên quan giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học trong Chương trình lớp 6 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 6, Khoa học tự nhiên lớp 6,...) và trong thực tiễn (ví dụ: khí hậu, giá cả thị trường,...).Câu 3 | **1****(0,5đ)** |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Thông hiểu:*** – Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). Câu 8a |  |  |  | **1****(1,0đ)** |  |  |  |  | **10%** |
| ***Vận dụng:***– Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*).Câu 8b |  |  |  |  |  | **1****(1,0đ)** |  |  | **10%** |
| 3 | **Chủ đề 3: Một số yếu tố xác suất**  | Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản | ***Nhận biết:*** –Làm quen với mô hình xác suấttrong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản (ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu, ...). Câu 4 | **1****(0,5đ)** |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
|  |  |  | ***Thông hiểu:*** – Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản.Câu 5 |  |  | **1****(0,5đ)** |  |  |  |  |  | **5%** |
|  |  | Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản | ***Vận dụng:*** – Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản. Câu 8c |  |  |  |  |  | **1****(0,5đ)** |  |  | **5%** |
| 4 | **Chủ đề 4: Các hình hình học cơ bản** | Điểm, đường thẳng, tia | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song.Câu 6 | **1****(0,5đ)** |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
|  |  | Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng | ***Nhận biết:*** –Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.Câu 9a,b |  | **2****(2,0đ)** |  |  |  |  |  |  | **20%** |
| **Tổng** |  | **4** | **2** | **2** | **1** | **0** | **5** | **0** | **2** | **16** |
| **Tỉ lệ %** |  | **40%** | **20%** | **30%** | **10%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **60%** | **40%** | **100%** |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN KIM SƠN** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II****MÔN: TOÁN 6****(***Thời gian làm bài : 90 phút )* |

**I.Trắc nghiệm khách quan (3 điểm** ) Hãy chọn phương án trả lời đúng cho các câu hỏi sau.

**Câu 1**: Phân số nào sau đây bằng phân số.$ \frac{3}{4}$.

A.$\frac{13}{20}$ B.$\frac{25}{16}$ C.$\frac{6}{8}$ D.$\frac{10}{25}$

**Câu 2.** Hãy chọn cách so sánh đúng.

A.$\frac{-2}{4}<\frac{-3}{4}$ B.$\frac{-4}{5}<\frac{-3}{5}$ C.$\frac{1}{4}<\frac{-3}{4}$ D.$\frac{-1}{6}<\frac{-5}{6}$

 **Câu 3**. Cô Hương khai trương cửa hàng bán áo sơ mi. Thống kê số lượng các loại áo đẵ bán được trong một tháng đầu tiên như bẳng sau.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Cỡ áo | 38 | 39 | 40 | 41 | 42 |
| Số áo bán được | 15 | 32 | 56 | 25 | 50 |

Hỏi cỡ áo nào cô Hương bán được nhiều nhất?

1. 39 B. 42 C. 40 D.41

**Câu 4**: Nếu tung đồng xu 20 lần liên tiếp có 13 lần xuất hiện mặt N, thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt S bằng bao nhiêu?

1. $\frac{13}{20}$ B. $\frac{20}{13}$ C. $\frac{7}{20}$ D. $\frac{7}{10}$

**Câu 5**. Một hộp có 4 chiếc thẻ cùng loai, mỗi thẻ được ghi một trong các số 1,2,3,4. Hai thẻ khác nhau thì ghi hai số khác nhau. Rút ngẫu nhiên một chiếc thẻ trong hộp. Số xuất hiện trên thẻ được rút ra là phần tử của tập hợp nào dưới đây.

1. $\left\{1;2;3;4\right\}$ B. $\left\{0;1;2;3;4\right\}$ C. $\left\{1;2;4\right\}$ D. $\left\{1;2;3;4;5\right\}$

**Câu 6**. Cho hình vẽ bên. Hai đường thẳng MN và MP là hai đường thẳng.

1. Song song với nhau
2. Trùng nhau N
3. Có ba điểm chung M
4. Cắt nhau. P

**II. Tự luận (7điểm )**

**Câu 7.(1,5 điểm )** Thực hiện phép tính một cách hợp lí.

a, A= (1$\frac{2}{3}$ +$ \frac{7}{9}$):$\frac{-4}{9}$ b) B =$ \frac{3}{5} ∙\frac{5}{4} $-$ \frac{3}{5}∙\frac{1}{4}$ c) C = $\frac{27}{23}-\frac{-5}{21}-\frac{4}{23}$+$ \frac{16}{21}+\frac{1}{2}$

**Câu 8:(2,5 điểm ).** Một đội văn nghệ của xóm có 12 thành viên, người phụ trách thống kê những thành viên có mặt tại câu lạc bộ trong một tuần như sau.

|  |  |
| --- | --- |
| Thứ | Số thành viên có mặt |
| Thư 2 | + | + | + | + | + |  |
| Thứ 3 | + | + | + | + | $$-$$ |  |
| Thứ 4 | + | + | + | + | + |  |
| Thứ 5 | + | + | + | + | + | + |
| Thứ 6 | + | + | + | + | $$-$$ |  |

*

+

 *Chú thích*: 2 người : 1 người

 a) Hãy nêu đối tượng thống kê và tiêu chí thống kê.

 b) Hãy thống kê số thành viên có mặt, vắng mặt trong tuần.

 c) Trong một tuần số thành viên vắng mặt chiếm bao nhiêu phần trăm so với tổng số thành viên có mặt.

**Câu 9: (2 điểm)** Cho đoạn thẳng AB có độ dài 6cm, lấy điểm C nằm giữa hai điểm A và B sao cho AC có độ dài 3cm

1. Tính độ dài đoạn thẳng CB.
2. Điểm C có là trung điểm của đoạn thẳng AB không ? vì sao?

**Câu 10**: **(1điểm ).** Tính giá trị biểu thức.

1. A = $\frac{1}{1.2}+\frac{1}{2.3}+\frac{1}{3.4}+…+\frac{1}{49.50}$
2. B = $\frac{34}{7.13}+\frac{51}{13.22}+\frac{85}{22.37}+\frac{68}{37.49}$

………………………………………………… *Hết* ……………………………………………………………

 **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

 **HUYỆN KIM SƠN MÔN: TOÁN 6**

1. **TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)**

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| Đáp án | C | B | C | C | A | D |

1. **Tự luận (7,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 7****(1,5 đ)** | 1. A=(1$\frac{2}{3}+\frac{7}{9}$) :$ \frac{-4}{9}$

 = ( $\frac{5}{3}+\frac{7}{9}$) :$ \frac{-4}{9}$ =$ ( \frac{15}{9}$+$\frac{7}{9}$) :$ \frac{-4}{9}$ =$ \frac{22}{9} $:$ \frac{-4}{9}$ =$ \frac{22}{9}∙\frac{9}{-4}$ =$ \frac{-11}{2}$ | 0,250,25 |
| $ b) B=\frac{3}{5}∙\frac{5}{4}-\frac{3}{5}∙\frac{1}{4}$  =$ \frac{ 3}{5}∙ $($ \frac{5}{4}-\frac{1}{4}$) =$ \frac{3}{5}∙( \frac{5-1}{4})$= $\frac{3}{5}∙1=\frac{3}{5}$ | 0,250,25 |
| 1. C = $\frac{27}{23}-\frac{-5}{21}-\frac{4}{23}$ +$ \frac{16}{21}+\frac{1}{2}$

 = ( $\frac{27}{23}-\frac{4}{23})+( \frac{16}{21}-\frac{-5}{21})+ \frac{1}{2} $= ( $\frac{27-4}{23}$) + ( $\frac{16+5}{21})+ \frac{1}{2}$ = $\frac{23}{23}$ +$ \frac{21}{21}$ + $\frac{1}{2}$ = 1+1+$\frac{1}{2} $=$ \frac{5}{2}$ | 0,250,25 |
| **Câu****8****(2,5 đ)** | 1. \* Đối tượng thống kê là: Các thứ trong tuần thứ 2, thứ 3, thứ 4, thứ 5, thứ 6.

\*Tiêu chí thống kê là: Những thành viên có mặt tại câu lạc bộ trong mỗi ngày . | 0,50,5 |
| 1. -Tổng số thành viên vắng mặt các thứ 2, thứ 3, thứ 4, thứ 5, thứ 6 là:

 2+3+2+0+3 = 10 (thành viên)-Tổng số thành viên có mặt các thứ 2, thứ 3, thứ 4, thứ 5, thứ 6 là:  10+9+10+12+9 = 50 ( thành viên) | 0,50,5 |
| 1. Trong một tuần số thành viên vắng mặt chiếm.

 $\frac{10}{50}∙$ 100% =20%  | 0,5 |
| **Câu 9****(2đ)** |  A C B1. Vì điểm C nằm giữa hai điểm A và B nên

 AC + CB = AB Hay 3cm + CB = 6cm CB = 6cm-3cm CB= 3cm | 0,250,250,250,25 |
| 1. Điểm C là trung điểm của đoạn thẳng AB vì

 Điểm C nằm giữa hai điểm A và B AC = BC = 3cm | 0,50,250,25 |
| **Câu****10****(1đ)** | 1. A = $\frac{1}{1.2}+\frac{1}{2.3}+\frac{1}{3.4}+…+\frac{1}{49.50}$

=$ \frac{1}{1}-\frac{1}{2}+\frac{1}{2}-\frac{1}{3}+\frac{1}{3}-\frac{1}{4}+\frac{1}{4}+…+\frac{1}{49}-\frac{1}{50}$=$ \frac{1}{1}-\frac{1}{50}$=$ \frac{49}{50}$ | 0,250,25 |
| 1. B= $\frac{34}{7.13}+\frac{51}{13.22}+\frac{85}{22.37}+\frac{68}{37.49}$

$ \frac{B}{17}$=$ \frac{2}{7.13}+\frac{3}{13.22}+\frac{5}{22.37}+\frac{4}{37.49}$$$ \frac{B}{17}∙3=\frac{6}{7.13}+\frac{9}{13.22}+\frac{15}{22.37}+\frac{12}{37.49}$$$ \frac{ B}{17}∙3 $= $\frac{1}{7}-\frac{1}{13}+\frac{1}{13}-\frac{1}{22}+\frac{1}{22}-\frac{1}{37}+\frac{1}{37}-\frac{1}{49}$$$ \frac{ B}{17}∙3=\frac{1}{7}-\frac{1}{49}$$$$ \frac{ B}{17}∙3=\frac{6}{49}$$ B =$ \frac{6}{49}∙17:3=\frac{34}{49}$ | 0,250,25 |

 *……………………………………… Hết …………………………………………………………………..*